Thông tin về tư cách thành viên MDRT Academy 2026

Dựa trên doanh thu năm 2025

MDRT Academy®
325 West Touhy Avenue, Park Ridge, IL 60068 USA | Điện thoại: +1 847.692.6378 | Fax: +1 847.518.8921 |
Email: info@mdrtacademy.org

XIN LƯU Ý

Tài liệu này trình bày các yêu cầu về tư cách thành viên MDRT Academy và được soạn bằng tiếng Anh, tiếng Bahasa Indonesia, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung phồn thể và tiếng Việt.

Vui lòng lưu ý về những thay đổi sau đây so với các phiên bản trước của tài liệu này. Vui lòng hủy mọi bản sao của tài liệu này nếu ở chân mỗi trang không ghi ngày 20/01/2025.

MỤC LỤC

Trang

Ngưỡng doanh thu ---------- 3
Điều kiện ---------- 10
Yêu cầu bổ sung---------- 11
Diễn giải ---------- 11
Hội nghị ---------- 14
Chương trình Cố vấn MDRT---------- 15

Đăng ký tư cách thành viên MDRT Academy 2026 tại **mdrtacademy.org**.

THÔNG TIN VỀ TƯ CÁCH THÀNH VIÊN MDRT ACADEMY 2026

NGƯỠNG DOANH THU

Tư cách thành viên MDRT Academy dành cho những cá nhân chưa đủ điều kiện đạt tư cách thành viên Million Dollar Round Table (MDRT). Một cá nhân không thể đồng thời là thành viên của cả hai tổ chức.

1. **Phương thức định mức doanh thu**
   Tư cách thành viên MDRT Academy 2026 cho Hoa Kỳ sẽ dựa trên các phương thức định mức doanh thu sau: (Xem trang 9 để biết thêm thông tin về các sản phẩm.)

   Phương thức định mức Hoa hồng/Phí
   Từ 0 USD đến tối đa 86.999 USD tiền hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán

   Phương thức định mức Phí bảo hiểm
   Từ 0 USD đến tối đa 173.999 USD tiền phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán

   Phương thức định mức Thu nhập
   Từ 0 USD đến tối đa 150.999 USD tiền thu nhập đủ điều kiện đã được thanh toán

Ngưỡng doanh thu quy đổi theo đồng nội tệ
Tư cách thành viên MDRT Academy 2026, quy đổi theo đồng nội tệ, sẽ dựa trên các phương thức định mức doanh thu được liệt kê cho mỗi quốc gia dưới đây (xem Trang 9 để biết thêm thông tin về các sản phẩm).

Tín dụng doanh thu phải được báo cáo bằng USD (doanh thu tính theo đồng nội tệ chia cho hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa = điều kiện xét duyệt MDRT Academy tính theo USD).

Các hệ số chuyển đổi/chuẩn hóa không liên quan đến tỷ giá hối đoái và chỉ được sử dụng để chuẩn hóa quy trình xử lý của MDRT.

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Angola	15,699,499	180.4540	31,398,999	180.4540	27,202,999	180.1523
Anguilla	101,099	1.1620	202,199	1.1620	174,999	1.1589
Antigua	158,299	1.8195	316,599	1.8195	274,199	1.8158
Argentina	454,999	5.2298	909,999	5.2298	787,899	5.2178
Armenia	12,905,899	148.3436	25,811,799	148.3436	22,352,499	148.0298
Aruba	114,799	1.3195	229,599	1.3195	198,899	1.3172
Australia	121,199	1.3931	242,399	1.3931	209,899	1.3900
Austria	61,399	0.7057	122,799	0.7057	106,299	0.7039
Azerbaijan	29,899	0.3436	59,799	0.3436	51,799	0.3430

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Bahamas	77,999	0.8965	155,999	0.8965	135,099	0.8947
Bangladesh	2,456,499	28.2356	4,912,999	28.2356	4,254,599	28.1761
Barbados	142,499	1.6379	284,999	1.6379	246,799	1.6344
Belarus	97,131,699	1,116.4563	194,263,399	1,116.4563	168,228,099	1114.0933
Belgium	60,999	0.7011	121,999	0.7011	105,599	0.6993
Belize	91,899	1.0563	183,799	1.0563	159,099	1.0536
Bermuda	104,799	1.2045	209,599	1.2045	181,499	1.2019
Bolivia	211,299	2.4287	422,599	2.4287	365,899	2.4231
Bosnia-Herzegovina	56,799	0.6528	113,599	0.6528	98,499	0.6523
Botswana	324,099	3.7252	648,199	3.7252	561,299	3.7172
Brazil	207,599	2.3862	622,799	3.5793	359,499	2.3807
British Virgin Islands	92,999	1.0689	185,999	1.0689	161,099	1.0668
Brunei	47,699	0.5482	143,099	0.8224	82,699	0.5476
Bulgaria	60,299	0.6931	120,599	0.6931	104,399	0.6913
Cambodia	98,340,199	1,130.3471	393,360,799	2,260.6942	170,321,199	1127.9549
Cameroon	18,360,499	211.0402	36,720,999	211.0402	31,797,599	210.5801
Canada	101,899	1.1712	203,799	1.1712	176,499	1.1688
Cayman Islands	79,399	0.9126	158,799	0.9126	137,499	0.9105
Channel Islands	59,199	0.6804	118,399	0.6804	102,599	0.6794
Chile	36,851,399	423.5793	73,702,799	423.5793	63,824,999	422.6821
Colombia	103,057,399	1,184.5678	206,114,799	1,184.5678	178,491,099	1182.0602
Costa Rica	28,521,599	327.8344	57,043,199	327.8344	49,398,199	327.1403
Côte d'Ivoire	19,863,199	228.3126	39,726,399	228.3126	34,402,199	227.8291
Croatia	242,799	2.7908	485,599	2.7908	420,499	2.7847
Curacao	86,599	0.9954	173,199	0.9954	149,999	0.9933
Cyprus	48,199	0.5540	96,399	0.5540	83,499	0.5529
Czech Republic	1,047,299	12.0379	2,094,599	12.0379	1,813,899	12.0125

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Denmark	536,299	6.1643	1,072,599	6.1643	928,899	6.1516
Dominica	133,099	1.5298	266,199	1.5298	230,499	1.5264
Dominican Republic	1,587,799	18.2505	3,175,599	18.2505	2,749,999	18.2119
Ecuador	41,099	0.4724	82,199	0.4724	71,199	0.4715
Egypt	198,999	2.2873	596,999	3.4310	344,799	2.2834
El Salvador	37,299	0.4287	74,599	0.4287	64,599	0.4278
Estonia	45,799	0.5264	91,599	0.5264	79,299	0.5251
Fiji	77,099	0.8862	154,199	0.8862	133,599	0.8847
France	58,899	0.6770	117,799	0.6770	101,999	0.6754
Georgia	75,399	0.8666	150,799	0.8666	130,499	0.8642
Germany	60,899	0.7000	121,799	0.7000	105,499	0.6986
Ghana	110,799	1.2735	221,599	1.2735	191,899	1.2708
Gibraltar	59,199	0.6804	118,399	0.6804	101,999	0.6754
Greece	44,799	0.5149	89,599	0.5149	77,499	0.5132
Grenada	142,399	1.6367	284,799	1.6367	246,599	1.6331
Guatemala	320,899	3.6885	641,799	3.6885	555,799	3.6807
Guyana	7,592,399	87.2689	15,184,799	87.2689	13,149,799	87.0847
Honduras	929,099	10.6793	1,858,199	10.6793	1,609,099	10.6562
Hong Kong, China	493,099	5.6678	1,972,399	11.3356	853,999	5.6556
Hungary	12,940,699	148.7436	25,881,399	148.7436	22,412,699	148.4284
India	1,132,599	13.0183	4,530,399	26.0367	1,961,599	12.9907
Indonesia	372,811,699	4,285.1919	745,623,399	4,285.1919	645,694,499	4276.1225
Ireland	65,099	0.7482	130,199	0.7482	112,699	0.7463
Isle of Man	60,899	0.7000	121,799	0.7000	105,499	0.6986
Israel	312,499	3.5919	624,999	3.5919	541,299	3.5847
Italy	52,699	0.6057	105,399	0.6057	91,199	0.6039
Jamaica West Indies	4,990,699	57.3643	9,981,399	57.3643	8,643,699	57.2430

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Jordan	26,199	0.3011	52,399	0.3011	45,299	0.3000
Kazakhstan	7,683,799	88.3195	15,367,599	88.3195	13,308,099	88.1331
Kenya	3,687,299	42.3827	7,374,599	42.3827	6,386,299	42.2933
Kuwait	16,899	0.1942	33,799	0.1942	29,299	0.1940
Laos	266,684,299	3,065.3367	533,368,599	3,065.3367	461,363,799	3055.3894
Latvia	41,599	0.4781	83,199	0.4781	71,999	0.4768
Lebanon	100,471,799	1,154.8482	200,943,599	1,154.8482	174,012,899	1152.4033
Lithuania	38,099	0.4379	76,199	0.4379	66,099	0.4377
Luxembourg	71,299	0.8195	142,599	0.8195	123,499	0.8178
Macau, China	414,399	4.7632	1,657,599	9.5264	717,699	4.7529
Macedonia	1,552,899	17.8494	3,105,799	17.8494	2,689,499	17.8112
Malaysia	128,999	1.4827	386,999	2.2241	223,499	1.4801
Malta	28,599	0.3287	57,199	0.3287	49,599	0.3284
Mauritius	1,454,299	16.7160	2,908,599	16.7160	2,518,799	16.6807
Mexico	849,199	9.7609	1,698,399	9.7609	1,470,799	9.7403
Montenegro	28,599	0.3287	57,199	0.3287	49,599	0.3284
Montserrat	71,099	0.8172	142,199	0.8172	123,199	0.8158
Mozambique	1,999,399	22.9816	3,998,799	22.9816	3,462,899	22.9331
Myanmar	32,282,699	371.0655	64,565,399	371.0655	55,912,299	370.2801
Namibia	523,699	6.0195	1,047,399	6.0195	906,999	6.0066
Nepal	1,798,899	20.6770	5,396,699	31.0155	3,115,599	20.6331
Netherlands	63,799	0.7333	127,599	0.7333	110,499	0.7317
New Zealand	126,699	1.4563	253,399	1.4563	219,499	1.4536
Nicaragua	937,799	10.7793	1,875,599	10.7793	1,624,199	10.7562
Nigeria	7,450,899	85.6425	14,901,799	85.6425	12,904,699	85.4615
Norway	763,399	8.7747	1,526,799	8.7747	1,322,199	8.7562
Oman	16,999	0.1954	33,999	0.1954	29,499	0.1953

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Pakistan	2,297,799	26.4114	4,595,599	26.4114	3,979,599	26.3549
Panama	42,099	0.4839	84,199	0.4839	72,899	0.4827
Peru	150,099	1.7252	300,199	1.7252	259,999	1.7218
Philippines	1,636,999	18.8160	3,273,999	18.8160	2,835,199	18.7761
Poland	150,599	1.7310	301,199	1.7310	260,799	1.7271
Portugal	45,799	0.5264	137,399	0.7896	79,399	0.5258
Qatar	193,799	2.2275	387,599	2.2275	335,599	2.2225
Romania	143,499	1.6494	286,999	1.6494	248,599	1.6463
Saudi Arabia	166,999	1.9195	333,999	1.9195	289,299	1.9158
Serbia	3,571,599	41.0528	7,143,199	41.0528	6,185,999	40.9668
Singapore	72,399	0.8321	217,199	1.2482	125,399	0.8304
Slovakia	42,499	0.4885	84,999	0.4885	73,599	0.4874
Slovenia	46,399	0.5333	92,799	0.5333	80,399	0.5324
South Africa	363,399	4.1770	726,799	4.1770	629,399	4.1682
Spain	50,499	0.5804	100,999	0.5804	87,399	0.5788
Sri Lanka	3,458,699	39.7551	6,917,399	39.7551	5,990,399	39.6715
St. Kitts and Nevis	156,699	1.8011	313,399	1.8011	271,399	1.7973
St. Lucia	144,899	1.6655	289,799	1.6655	250,899	1.6615
St. Maarten	90,399	1.0390	180,799	1.0390	156,499	1.0364
St. Vincent	122,599	1.4091	245,199	1.4091	212,299	1.4059
Suriname	306,199	3.5195	612,399	3.5195	530,399	3.5125
Sweden	723,499	8.3160	1,446,999	8.3160	1,252,999	8.2980
Switzerland	88,899	1.0218	177,799	1.0218	153,999	1.0198
Chinese Taiwan	1,389,599	15.9724	2,779,199	15.9724	2,406,799	15.9390
Tanzania	64,434,999	740.6321	128,869,999	740.6321	111,598,699	739.0642
Thailand	971,899	11.1712	1,943,799	11.1712	1,683,299	11.1476
Togo	18,292,999	210.2643	36,585,999	210.2643	31,682,899	209.8205

Thị trường	Tiền hoa hồng đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi Hoa hồng	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm đủ điều kiện tối đa đã thanh toán	Hệ số chuyển đổi thu nhập
Tonga	130,399	1.4988	260,799	1.4988	225,899	1.4960
Trinidad & Tobago	344,399	3.9586	688,799	3.9586	596,499	3.9503
Turkey	293,099	3.3689	1,172,399	6.7379	507,599	3.3615
Turks & Caicos	96,399	1.1080	192,799	1.1080	166,999	1.1059
Uganda	105,647,099	1,214.3344	211,294,199	1,214.3344	182,976,399	1211.7642
Ukraine	674,799	7.7563	1,349,599	7.7563	1,168,599	7.7390
United Arab Emirates	201,299	2.3137	402,599	2.3137	348,499	2.3079
United Kingdom	56,199	0.6459	112,399	0.6459	97,299	0.6443
United States	86,999	1.0000	173,999	1.0000	150,999	1.0000
Uruguay	1,543,399	17.7402	3,086,799	17.7402	2,673,099	17.7026
Venezuela	631,299	7.2563	1,262,599	7.2563	1,093,299	7.2403
Vietnam	466,802,299	5,365.5436	933,604,599	5,365.5436	808,482,299	5354.1874
Zambia	329,399	3.7862	658,799	3.7862	570,399	3.7774
Zimbabwe	31,489,499	361.9482	62,978,999	361.9482	54,536,899	361.1715

XIN LƯU Ý

a) **Tư cách thành viên MDRT Academy chỉ áp dụng cho mỗi cá nhân và không thể chuyển nhượng cho bất kỳ cá nhân nào khác.** Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp thành viên rời khỏi ngành hoặc chuyển công ty trong năm duy trì tư cách thành viên.

b) **Nếu một cá nhân tham gia MDRT Academy và sau đó nhận thấy mình đủ điều kiện trở thành thành viên MDRT cũng trong năm, tư cách thành viên MDRT Academy sẽ bị hủy và lệ phí thành viên MDRT Academy sẽ được hoàn lại.** Trong các trường hợp khác, lệ phí MDRT Academy sẽ không được hoàn lại.

c) **Ứng viên đăng ký thành viên MDRT Academy không được kết hợp tín dụng doanh thu từ các phương thức nêu trên.** Doanh thu từ hoa hồng và phí bảo hiểm sẽ được tính riêng.

d) **Bãi bỏ Yêu cầu Tín dụng Bảo hiểm rủi ro đối với Australia, Canada, New Zealand, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ:** MDRT đã bãi bỏ yêu cầu về việc tối thiểu 50% doanh thu đủ điều kiện của ứng viên phải đến từ các sản phẩm thuộc danh mục Bảo hiểm rủi ro. Ứng viên từ các quốc gia nêu trên có thể đủ điều kiện bằng cách áp dụng bất kỳ sản phẩm đủ điều kiện của MDRT theo bất kỳ phương thức kết hợp hoặc tỷ lệ nào. Việc thay đổi yêu cầu này áp dụng khi xét điều kiện bằng phương thức tính định mức Hoa hồng và Phí bảo hiểm.

2. Sản phẩm và Tín dụng Đủ điều kiện

CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM RỦI RO

Sản phẩm từ công ty bảo hiểm nhân thọ	*Tín dụng Hoa hồng/Phí*	*Tín dụng Phí bảo hiểm*
Tử vong và thương tật do tai nạn (cá nhân)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Bệnh hiểm nghèo (cá nhân)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Hợp đồng trợ cấp thu nhập do thương tật (cá nhân)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Nhân thọ (cá nhân)		
Tối đa phí bảo hiểm hàng năm/phí bảo hiểm mục tiêu	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Tiền gửi vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu hoặc phụ trội	100% tiền hoa hồng đã thanh toán	6% phí bảo hiểm vượt mức
Phí bảo hiểm trả một lần (trọn đời và đầu tư)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	6% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Điều khoản bổ sung về bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	6% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Chăm sóc dài hạn (cá nhân)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Tử vong và thương tật do tai nạn (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Bệnh hiểm nghèo (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Hợp đồng trợ cấp thu nhập do thương tật (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Nhân thọ (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Chăm sóc dài hạn (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Niên kim (cá nhân và nhóm)	100% toàn bộ tiền hoa hồng	6% số tiền mới được đầu tư
Phí bảo hiểm trả một lần và/hoặc bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	6% phí bảo hiểm năm đầu tiên

CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Sản phẩm	*Tín dụng Hoa hồng/Phí*	*Tín dụng Phí bảo hiểm*
Chăm sóc sức khỏe (cá nhân)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	100% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Chăm sóc sức khỏe (nhóm)	100% tiền hoa hồng năm đầu tiên	10% phí bảo hiểm năm đầu tiên
Quỹ tương hỗ	100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí	6% số tiền mới được đầu tư
Chứng khoán	100% tiền hoa hồng/phí trên số tiền mới được đầu tư	6% số tiền mới được đầu tư
Tài khoản trọn gói/tài khoản quản lý tài sản	100% toàn bộ tiền hoa hồng/phí	6% số tiền mới được đầu tư
Phí hoạch định tài chính/Phí tư vấn	100% phí ròng	100% tổng phí

ĐIỀU KIỆN

1. **Tổng quan về điều kiện xét duyệt**
   Ứng viên đăng ký tư cách thành viên MDRT Academy phải sử dụng phương thức định mức Hoa hồng hoặc Phí bảo hiểm để chứng minh đủ điều kiện trở thành thành viên.

2. **Thời hạn tư cách thành viên**
   Tư cách thành viên MDRT Academy **chỉ được cấp trong một năm**. Tất cả thành viên **phải nộp đơn hàng năm** để duy trì tư cách thành viên MDRT Academy. Tư cách thành viên sẽ bắt đầu khi đơn đăng ký của thành viên đó được phê duyệt. Tư cách thành viên sẽ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm thành viên đó được phê duyệt. Ứng viên có thể gửi đơn đăng ký bất kỳ lúc nào.

   Vui lòng lưu ý rằng mỗi cá nhân chỉ có thể duy trì tư cách thành viên MDRT Academy trong tổng thời gian là tám năm. Khi tư cách thành viên của một cá nhân kết thúc, cá nhân đó không còn đủ điều kiện

tham gia nữa.

YÊU CẦU BỔ SUNG

1. **Lệ phí thành viên hàng năm**
Lệ phí thành viên hàng năm là 300 USD và cần hoàn tất đơn đăng ký để tham gia. Tư vấn viên tham gia MDRT Academy lần đầu tiên sẽ đủ điều kiện áp dụng mức phí theo tỷ lệ nếu nộp đơn sau ngày 31 tháng 3. Biểu phí theo tỷ lệ được tính như dưới đây. **Vui lòng lưu ý rằng chỉ thành viên MDRT Academy lần đầu tiên mới đủ điều kiện áp dụng mức phí theo tỷ lệ này.**

THỜI GIAN THAM GIA	LỆ PHÍ	GHI CHÚ
Tháng 1-3	300 USD	Tư cách thành viên kết thúc vào ngày 31 tháng 12
Tháng 4-6	250 USD	Tư cách thành viên kết thúc vào ngày 31 tháng 12
Tháng 7-9	175 USD	Tư cách thành viên kết thúc vào ngày 31 tháng 12
Tháng 10	100 USD	Tư cách thành viên kết thúc vào ngày 31 tháng 12
Tháng 11-12	300 USD	Tư cách thành viên bắt đầu trong năm kế tiếp

DIỄN GIẢI

1. **Hoa hồng, Phí đủ điều kiện**
Tín dụng doanh thu (đối với hoa hồng) sẽ dựa trên khoản hoa hồng đủ điều kiện nhận được trong năm 2025. Tín dụng có thể bao gồm tiền hoa hồng thu được hoặc trả trước (hàng năm) hoặc cả hai. Tiền hoa hồng trả trước (hàng năm) hoặc thu được phải được thanh toán cho ứng viên trong năm 2025 để ứng viên đủ điều kiện nhận tín dụng MDRT. Xin lưu ý:

a) Ứng viên có thể báo cáo các khoản hoa hồng được thanh toán trên cơ sở phân mức bằng cách áp dụng giá trị hiện tại của khoản hoa hồng trong tối đa năm năm đầu tiên khấu trừ 10% mỗi năm, và không vượt quá 55% phí bảo hiểm năm đầu tiên.
b) Ứng viên có thể báo cáo tiền hoa hồng hàng năm để tính tín dụng nếu được thanh toán, nhưng việc bồi hoàn tiền hoa hồng hàng năm ở năm doanh thu tiếp theo sẽ làm giảm tín dụng doanh thu của năm đó.
c) Nếu hoa hồng được thanh toán được tính như khoản tiền thu được, hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2024 có thể được tính vào tín dụng doanh thu cho năm 2025. Hợp đồng bảo hiểm này phải còn hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhưng không bắt buộc phải còn hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.
d) Khoản tín dụng hoa hồng hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ lương hưu (bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.).
e) Các khoản hoa hồng là một phần của chương trình thù lao trả sau có thể được kê khai trước để tính tín dụng MDRT, với điều kiện là các khoản này sẽ không được kê khai lại trong những năm sau đó.

f) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng hoa hồng năm đầu tiên có thể được tính cho danh mục Tín dụng Bảo hiểm rủi ro đối với khoản hoa hồng được thanh toán cho số tiền lên đến mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phí bổ sung"), tín dụng hoa hồng có thể được tính cho danh mục Tín dụng Bảo hiểm rủi ro với khoản hoa hồng được thanh toán cho số tiền vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
g) Khoản hoa hồng phụ trội, trợ cấp đào tạo, tiền thưởng và các khoản phụ cấp bán hàng hoặc chi phí khác không đủ điều kiện tính theo phương thức định mức hoa hồng/phí bảo hiểm.
h) Phí chi trả cho việc phân phối sản phẩm cũng như phí quản lý tài sản đối với các quỹ tương hỗ và các tài khoản quản lý trọn gói/tài khoản quản lý tài sản đủ điều kiện để tính theo định mức hoa hồng. Loại sản phẩm được bán ra quyết định loại tín dụng mà sản phẩm đó nhận được.
i) Phí hoạch định tài chính/Phí tư vấn đủ điều kiện tính tín dụng Sản phẩm khác đối với khoản phí ròng được trả cho đại lý/tư vấn viên.
j) Các khoản hoa hồng từ bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
k) Phí bảo hiểm trả một lần và/hoặc hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
l) Các khoản hoa hồng bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tiền hoa hồng năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.

2. <u>Phí bảo hiểm đủ điều kiện</u>

Tín dụng doanh thu (đối với phí bảo hiểm) sẽ dựa trên phí bảo hiểm đủ điều kiện được thanh toán hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2025. Xin lưu ý:

a) Nếu các khoản hoa hồng đã thanh toán được tính thành tiền kiếm được, tín dụng phí bảo hiểm sẽ chỉ được tính cho số tiền phí bảo hiểm thực nhận trong năm doanh thu.
b) Nếu khoản hoa hồng được tính theo năm, tín dụng phí bảo hiểm cũng phải được tính theo năm. Bất kỳ khoản bồi hoàn nào của tiền hoa hồng tính theo năm đều sẽ làm giảm tín dụng phí bảo hiểm trong năm đó.
c) Một hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực vào năm 2024 có thể tạo ra tín dụng doanh thu cho số tiền phí bảo hiểm được thanh toán hoặc số tiền đầu tư mới trong năm 2025.
d) Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vượt mức phí bảo hiểm hàng năm hoặc phí bảo hiểm mục tiêu sẽ đủ điều kiện tính tín dụng. Tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên có thể được tính vào danh mục Bảo hiểm Rủi ro cho số tiền tối đa bằng phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu. Nếu vượt quá mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu, (đôi khi được gọi là "phí bổ sung), tín dụng phí bảo hiểm có thể được tính cho danh mục Tín dụng Bảo hiểm rủi ro cho 6% số tiền vượt mức phí bảo hiểm hàng năm/mục tiêu.
e) Phí hoạch định tài chính/Phí tư vấn đủ điều kiện tính Tín dụng sản phẩm khác đối với tổng số phí được trả cho công ty, đại lý môi giới hoặc đại lý/tư vấn viên cá nhân.
f) Phí bảo hiểm y tế theo nhóm chỉ đủ điều kiện tính tín dụng trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Việc bổ sung vào hợp đồng bảo hiểm nhóm trong những năm tiếp theo sẽ không đủ điều kiện tính tín dụng.
g) Phí bảo hiểm trả một lần và/hoặc phí bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bảo hiểm hỗn hợp ngắn hạn (tối đa 15 năm) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 6% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
h) Phí bảo hiểm hỗn hợp dài hạn chỉ đủ điều kiện trong năm đầu tiên của hợp đồng bảo hiểm. Điều khoản bổ sung bảo hiểm hỗn hợp dài hạn (từ 16 năm trở lên) đối với các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đủ điều kiện tính 100% tín dụng phí bảo hiểm năm đầu tiên trong danh mục Bảo hiểm rủi ro.
i) Khoản tín dụng phí bảo hiểm hưu trí được dựa trên sản phẩm dùng để tạo quỹ lương hưu

(bảo hiểm nhân thọ, niên kim, quỹ tương hỗ, v.v.).

3. <u>Thu nhập đủ điều kiện</u>

Tín dụng doanh thu được dựa trên tổng thu nhập hàng năm được trả trong năm 2025. Xin lưu ý:

a) Xem bảng tại trang 9 để biết thêm thông tin về các sản phẩm đủ điều kiện.
b) Theo mô hình này, thu nhập được định nghĩa là hoa hồng duy trì hợp đồng và từ hợp đồng gia hạn năm đầu tiên, cũng như các khoản phí cho việc bán sản phẩm, phí quản lý tài sản và phí tư vấn.
c) Các khoản thù lao dựa trên doanh thu khác, chẳng hạn như tiền lương và tiền thưởng dựa trên doanh thu, cũng đủ điều kiện tính tín dụng.
d) Thu nhập được đóng góp trong chương trình thù lao trả sau đủ điều kiện tính tín dụng. Cần tính tín dụng trong năm doanh thu sau khi đã nhận được thu nhập trả sau.
e) Khoản hoa hồng phụ trội chỉ đủ điều kiện tính doanh thu cá nhân.

Các khoản thu nhập KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN tính tín dụng MDRT bao gồm:

f) Tiền thưởng/trợ cấp đào tạo
g) Phụ cấp bán hàng/chi phí
h) Tiền thưởng khi ký hợp đồng lao động hoặc gói chuyển đổi
i) Phụ trội từ doanh thu của người khác
j) Thù lao không bằng tiền mặt, ví dụ như các chuyến du lịch khen thưởng
k) Thu nhập từ bảo hiểm tài sản, tai nạn và bảo hiểm phi nhân thọ (cháy nổ, nhà, xe, v.v.)
l) Thu nhập từ việc bán các khoản thế chấp
m) Giải quyết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ
n) Tài khoản thị trường tiền tệ

4. **<u>Trường hợp thay thế</u>**

a) Khoản tín dụng cho các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân chỉ có thể được kê khai cho số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên của hợp đồng mới có số tiền hoa hồng hoặc phí bảo hiểm năm đầu tiên vượt quá con số của hợp đồng bảo hiểm được thay thế. Nếu không biết số tiền là bao nhiêu, thì số tiền hoa hồng được thay thế sẽ tính bằng cách nhân tiền hoa hồng hiện tại với mức phí bảo hiểm thích hợp cho hợp đồng được thay thế. Khoản tín dụng phí bảo hiểm có thể tính bằng cách lấy phí bảo hiểm của hợp đồng mới trừ đi phí bảo hiểm của hợp đồng được thay thế.
b) Việc chuyển một sản phẩm trọn đời sang một sản phẩm trọn đời khác sẽ được coi là một trường hợp thay thế theo quy định của MDRT. Điều này chỉ áp dụng cho việc thay thế các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cá nhân.

5. **<u>Định nghĩa và diễn giải</u>**

a) Giao dịch bảo hiểm được thanh toán và bảo đảm

Giao dịch bảo hiểm cần tính tín dụng phải được thanh toán trong giai đoạn xét duyệt điều kiện MDRT Academy (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12). Giao dịch bảo hiểm sẽ được xem như đã thanh toán kể từ ngày bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực đầy đủ và được văn phòng chính phê duyệt về mặt thanh toán yêu cầu bồi thường (bất kể thông lệ của công ty hoặc khoảng cách địa lý giữa văn phòng chính và văn phòng chi nhánh). Tuy nhiên, sẽ không có bất kỳ khoản tín dụng nào được tính cho đến khi văn phòng chính chính thức phê duyệt phí bảo hiểm và đồng thời hoa hồng năm đầu tiên phải được thanh toán hoặc đã ghi vào tài khoản của đại lý mà công ty bảo hiểm không có quyền thu hồi, trừ trường hợp thu hồi theo các điều khoản có thể gây tranh cãi của hợp đồng. Đối với hoạt động liên doanh, hợp danh, doanh nghiệp và/hoặc môi giới, tín dụng MDRT chỉ được tính cho phần giao dịch mà ứng viên được trả thù lao, có thể là hoa hồng năm đầu tiên hoặc khoản tương đương.

b) Bảo hiểm y tế

Bao gồm các hợp đồng bảo hiểm liên quan tới sức khỏe thể chất. Nha khoa, nhãn khoa, v.v., đủ điều kiện tính tín dụng. Xem Trang 9 để biết thêm thông tin chi tiết.

c) Định nghĩa Hợp đồng và trường hợp

Hợp đồng bảo hiểm được định nghĩa là một hợp đồng cá nhân bảo vệ một hoặc nhiều người, khác với hợp đồng bảo hiểm nhóm, quỹ hưu trí, quỹ chia sẻ lợi nhuận hoặc

chương trình tiết kiệm tiền lương. Theo quy định của quỹ hưu trí, quỹ chia sẻ lợi nhuận hoặc chương trình tiết kiệm tiền lương đủ điều kiện, mỗi hợp đồng bảo hiểm cá nhân sẽ được tính là một (1) hợp đồng để tính tổng các hợp đồng bảo hiểm hợp lệ. Nhằm mục đích tính doanh thu, chương trình bảo hiểm nhân thọ nhóm sử dụng quỹ do đơn vị sử dụng lao động tài trợ, chương trình bảo hiểm nhân thọ nhượng quyền và chương trình niên kim nhóm và giao dịch quỹ tương hỗ với một (1) nhà đầu tư sẽ được tính là một (1) trường hợp duy nhất, bất kể số lượng người được bảo hiểm hoặc số tiền quỹ có liên quan.

d) Yêu cầu về hiệu lực

Giao dịch bảo hiểm được tính tín dụng chỉ bao gồm các giao dịch chưa chấm dứt vào hoặc trước ngày cuối cùng của thời hạn xét duyệt điều kiện của MDRT Academy (ngày 31 tháng 12), ngoại trừ trường hợp giao dịch bị chấm dứt do tử vong hoặc chuyển đổi thời hạn.

e) Chứng khoán

Bao gồm cổ phiếu, trái phiếu hoặc các loại vốn chủ sở hữu khác. Xem Trang 9 để biết thêm thông tin chi tiết.

HỘI NGHỊ

1. <u>Điều kiện</u>

Thành viên MDRT Academy sẽ có cơ hội tham gia Hội nghị Thường niên MDRT, Hội nghị Toàn cầu MDRT hay Hội nghị MDRT EDGE nếu còn chỗ và đáp ứng các tiêu chí sau:

a. Hội nghị Thường niên MDRT

i. Thành viên MDRT Academy có thể tham gia tối đa hai Hội nghị Thường niên MDRT trong thời gian là thành viên Academy với tối đa một hội nghị trong một năm dương lịch.

ii. Thành viên MDRT Academy phải tham gia trước ngày 31 tháng 3 của năm diễn ra hội nghị.

iii. Để tham dự hội nghị lần đầu tiên, thành viên MDRT Academy phải đáp ứng ngưỡng yêu cầu về doanh thu là 50% hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán, 50% phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán hoặc 50% thu nhập trong năm diễn ra hội nghị (dựa trên doanh thu thành viên năm trước).

Tổng cộng tiền hoa hồng: 43.500 USD
Tổng cộng phí bảo hiểm: 87.000 USD
Tổng thu nhập: 75.500 USD

iv. Để tham dự hội nghị lần thứ hai, thành viên MDRT Academy phải đáp ứng ngưỡng yêu cầu về doanh thu là 75% hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán, 75% phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán hoặc 75% thu nhập trong năm diễn ra hội nghị (dựa trên doanh thu thành viên năm trước).

Tổng cộng tiền hoa hồng: 65.250 USD
Tổng cộng phí bảo hiểm: 130.500 USD
Tổng thu nhập: 113.250 USD

v. Nếu thành viên MDRT Academy đã từng tham dự hội nghị MDRT với tư cách thành viên MDRT, thành viên đó được phép tham dự Hội nghị Thường niên MDRT với tư cách thành viên MDRT Academy sau khi đạt ngưỡng yêu cầu doanh thu MDRT là 75% hoa hồng đủ điều kiện đã được thanh toán, 75% phí bảo hiểm đủ điều kiện đã được thanh toán hoặc 75% thu nhập trong năm diễn ra hội nghị (dựa trên doanh thu thành viên năm trước).

vi. Nếu doanh thu đã được nộp qua tệp dữ liệu do công ty cung cấp, thì bạn không cần có thư xác nhận. Nếu thành viên MDRT Academy tự nộp doanh thu thì phải nộp kèm thư xác nhận hoa hồng và phí bảo hiểm, hoặc biểu mẫu

thu nhập có chữ ký của cán bộ có thẩm quyền tại công ty. Vui lòng gửi hồ sơ đã hoàn thiện đến info@mdrtacademy.org.

vii. Thành viên MDRT Academy phải trả cùng mức phí đăng ký như thành viên MDRT.

b. Hội nghị Toàn cầu MDRT và/hoặc Hội nghị MDRT EDGE

i. Tất cả thành viên MDRT Academy đều có thể tham dự Hội nghị Toàn cầu hoặc Hội nghị MDRT EDGE. Không có yêu cầu về mức doanh thu tối thiểu để đủ điều kiện tham dự. Hội nghị MDRT EDGE chỉ dành cho các thành viên ở Hoa Kỳ và Canada.

ii. Thành viên MDRT Academy thanh toán mức phí đăng ký như thành viên MDRT (ưu đãi hơn so với mức phí đăng ký của tư vấn viên không phải thành viên) để tham dự Hội nghị Toàn cầu và/hoặc Hội nghị MDRT EDGE.

Hội nghị MDRT năm 2026

Hội nghị Thường niên MDRT*
Ngày 7-10 tháng 6 năm 2026
Anaheim, California, Hoa Kỳ
annualmeeting.mdrt.org/

Hội nghị Toàn cầu MDRT*
Ngày 23-26 tháng 8, 2026
Sydney, Australia
globalconference.mdrt.org/

Hội nghị MDRT EDGE*
Ngày 9-11 tháng 11, 2026
Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ
edge.mdrt.org/
(Chỉ dành cho thành viên ở Hoa Kỳ và Canada)

*Cần thanh toán phí đăng ký riêng để tham dự Hội nghị Thường niên MDRT, Hội nghị Toàn cầu MDRT hoặc Hội nghị MDRT EDGE. Truy cập trang **mdrt.org** hoặc liên hệ MDRT theo số +1 (847) 692-6378 hoặc gửi email đến **meetings@mdrt.org** để biết thêm thông tin về hội nghị.

CHƯƠNG TRÌNH CỐ VẤN CỦA MDRT

c. Điều kiện

Chương trình Cố vấn MDRT hiện là một phần trong khuôn khổ của MDRT Academy. Sau khi tham gia MDRT Academy, tư vấn viên mong muốn thành viên MDRT làm cố vấn có thể truy cập vào nền tảng cố vấn MDRT (**mdrt.org/mentorship**) để điền đơn đăng ký trở thành học viên. Nếu được kết nối thành công, họ sẽ bắt đầu hành trình cố vấn trong 12 tháng được triển khai trên nền tảng cố vấn MDRT.

Các tư vấn viên mong muốn tham gia Chương trình Cố vấn MDRT và/hoặc tham dự hội nghị MDRT cần phải tham gia MDRT Academy. Tuy nhiên, các tư vấn viên ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Bahrain và Trung Quốc đại lục không bắt buộc phải tham gia MDRT Academy để tham gia chương trình cố vấn và đủ điều kiện tham dự hội nghị.